

Số:14 /2021/QĐST- HNGĐ

H, ngày 11 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 1010/2020/ TLST-HNGĐ ngày 24/12/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971;
- Chị Dương Thị T, sinh năm 1982;

HKTT: 334 tổ 10, phường H quận H, H.

Trú tại: 5/80 ngõ G, phường H, quận H, H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Nguyễn Thanh H và chị Dương Thị T trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H (nay là quận H), H vào ngày 20/5/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 334 tổ 10, (nay là số 5/80 ngõ Góc Đề, Tổ 3, Cụm 3) phường H, quận H, H. Quá trình chung sống đến năm 2017 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống dẫn đến không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được tổ dân phố tiến hành hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn phát sinh, từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay anh Nguyễn Thanh H và chị Dương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh H và chị T xác nhận có 02 con chung là: Nguyễn Hà P, sinh ngày 06/12/2003 và Nguyễn Hà V, sinh ngày 30/11/2010. Sau khi ly hôn, anh chị

thỏa thuận giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Hà P và Hà V.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Anh H và chị T xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

[3]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

+ Về động sản: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về Bất động sản: Anh H và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh H và chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn. Chị T đồng ý để anh H chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ngoài ra anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thảo thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Thanh H và chị Dương Thị T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Anh Nguyễn Thanh H và chị Dương Thị T xác nhận có 02 con chung là: Nguyễn Hà P, sinh ngày 06/12/2003 và Nguyễn Hà V, sinh ngày 30/11/2010.

Giao hai (02) con chung Nguyễn Hà P, sinh ngày 06/12/2003 và Nguyễn Hà V, sinh ngày 30/11/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật(ngày 11/01/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở

Anh H và chị T xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

* **Về tài sản chung**(động sản và bất động sản):

+ Về động sản: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về Bất động sản: Anh H và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

* Về nợ chung: Anh H và chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh H và chị Dương Thị Tmỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền anh H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006371 ngày 24/12/2020 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND quận H;
- UBND H,
Quận H, H;
- Số: 65, Quyền số: 1/2003
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình T